

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Khoa học Vật liệu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Văn Quỳnh

2. Ngày tháng năm sinh: 21/10/1985; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Thanh Tiên, Huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Tổ 11, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, TP Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Số nhà 23 ngõ 82 phố Ô Cách - Việt Hưng - Long Biên - Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0973327073;

E-mail: nguyen-van.quynh@usth.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 01,2011 đến tháng, năm 12,2011: Giảng viên cơ hữu tại Đại học công nghệ và quản lý hữu nghị

Từ tháng, năm 03,2012 đến tháng, năm 02,2013: Nghiên cứu viên hợp đồng tại Viện Khoa học Vật liệu - Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam

Từ tháng, năm 01,2016 đến tháng, năm 06,2022: Giảng viên cơ hữu tại Đại học Khoa học và công nghệ Hà Nội - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Từ tháng, năm 05,2018 đến tháng, năm 06,2022: Trưởng Khoa tại Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội - Viện Hàn lâm KH và CN Việt Nam

Chức vụ hiện nay: Trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Khoa học Vật liệu tiên tiến và Công nghệ Nano, Trường Đại học Khoa học và

Công nghệ Hà Nội (USTH) - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: 18 Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 05 tháng 07 năm 2008, số văn bằng: A0145327, ngành: Khoa học và Công nghệ Vật liệu,

chuyên ngành: Cơ học Vật liệu và Cán kim loại; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Bách Khoa Hà Nội

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 13 tháng 1 năm 2011, số văn bằng: A012024, ngành: Khoa học Vật liệu, chuyên ngành: Vật liệu điện tử; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Bách Khoa Hà Nội

- Được cấp bằng TS [5] ngày 5 tháng 01 năm 2017, số văn bằng: PARVII 12399568 / 2017201502687, ngành: Hóa Lý Vật Liệu,

chuyên ngành: Bề mặt, tương tác bề mặt và vật liệu chức năng; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): University Sorbonne Paris Cite

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Hội đồng II: Ngành Vật lý, Cơ học, Công nghệ Thông tin)

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu phát triển cấu trúc nano tuần hoàn trên nền vật liệu khác nhau, hệ vật liệu lai hữu cơ/ hữu cơ hoặc hữu cơ/ vô cơ bằng kỹ thuật in khuôn cấu trúc với cầu nano (Nanospheres lithography) kết hợp với điện hóa, định hướng chế tạo các bề mặt thông minh, bề mặt không dính ướt, bề mặt có độ dẫn thay đổi theo điện thế áp vào, vật liệu composite cho các ứng dụng tích trữ năng lượng, siêu tụ điện, vật liệu tiên tiến cho ứng dụng nhiệt trị.

- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu sử dụng bề mặt plasmon thay thế xúc tác trong các phản ứng quang hóa, sử dụng plasmonic kết hợp vật liệu từ cho các ứng dụng nhiệt trị, và kháng khuẩn, phát triển các thiết bị plasmonic chủ động.

- Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu chế tạo cảm biến trên cơ sở điện hóa, quang học và công nghệ vi lưu.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức

danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Nhà nước; 1 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 36 bài báo khoa học, trong đó 29 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Cấp cơ sở	2017
2	Giấy khen Hiệu trưởng	Cấp cơ sở	2018
3	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Cấp cơ sở	2019
4	Giấy khen Hiệu trưởng	Cấp cơ sở	2021

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đạt

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 7 năm 2 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn	Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp	Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)

Chính	Phụ	ĐH	SDH					
1	2016/2017					204	22	227/454/270
2	2017/2018			1	2	191	30	221,5/443/270
3	2018/2019					123	30	153/337/202,5
03 năm học cuối								
4	2019/2020			1		151	46	197/433,25/ 202,5
5	2020/2021			2	3	195	45	240/ 546.25 /268,8
6	2021/2022					194	75	269/ 538/ 268,8

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Cộng hòa Pháp năm 2015

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH)

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Tuấn Linh		X	X		04/2018 đến 10/2018	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	18/12/2018
2	Nguyễn Tuấn Linh		X	X		04/2021 đến 07/2021	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	24/11/2021
3	Lê Quang Hải		X	X		04/2021 đến 08/2021	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	24/11/2021

4	Nguyễn Đình Hải Ngân		X	X		04/2019 đến 10/2019	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	08/10/2020
---	-------------------------	--	---	---	--	------------------------	--	------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

1	Development of the layer-by-layer biosensor using graphene films: application for cholesterol determination	10	Không	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology	Q2 - ESCI	25	4, 015013	07/2013
2	Tunable Plasmon Resonance of Gold Nanoparticles Functionalized by Electroactive Bisthienylbenzene Oligomers or Polythiophene	4	Không	Journal of physical chemistry C	Q1 - SCIE <i>IF: 4.126</i>	38	43, 118, 2518-25166	10/2014
3	Grafting π -conjugated oligomers incorporating 3, 4-ethylenedioxythiophene (EDOT) and thiophene units on surfaces by diazonium electroreduction	5	Không	Journal of Physical Chemistry C	Q1 - SCIE <i>IF: 4.126</i>	31	33, 119, 19218-19227	07/2015

4	Highly Resolved Nanostructured PEDOT on Large Areas by Nanosphere Lithography and Electrodeposition	4	Có	ACS Applied Materials & Interfaces	Q1 - SCIE <i>IF: 9.229</i>	33	7, 39, 21673-21681	10/2015
5	Large area plasmonic electrodes and active plasmonic devices generated by electrochemical processes	4	Có	Electrochimica Acta	Q1 - SCIE <i>IF: 6.901</i>	18	179 282-287	10/2015
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
6	Comparing plasmonic electrodes prepared by electron-beam lithography and electrochemical reduction of an Au (iii) salt: application in active plasmonic devices	4	Có	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology	Q2 - ESCI	11	7, 1, 015005	01/2016

7	Unprecedented self-organized monolayer of a Ru (II) complex by diazonium electroreduction	8	Có	Journal of the American Chemical Society (JACS)	Q1 - SCIE IF: 15.419	55	138, 30, 9381-9384	07/2016
8	Ordered Nanoporous Thin Films by Nanosphere Lithography and Diazonium Electroreduction: Simple Elaboration of Ultra-Micro Electrode Arrays	4	Có	ChemElectroChem	Q2 - SCIE IF: 4.59	10	3, 12, 2264-2269	10/2016
9	Plasmon-induced nanolocalized reduction of diazonium salts	4	Có	ACS omega	Q1 - SCIE IF: 3.512	51	2, 5, 1947-1955	05/2017
10	Plasmon-induced conductance switching of an electroactive conjugated polymer nanojunction	5	Không	ACS applied materials & interfaces	Q1 - SCIE IF: 9.229	14	9, 33, 27817-27824	08/2017

11	Enzyme-less electrochemical displacement heterogeneous immunosensor for diclofenac detection	11	Không	Biosensors and Bioelectronics	Q1 - SCIE IF: 10.618	22	97 246-252	11/2017
12	Improved adhesion of poly (3, 4-ethylenedioxythiophene)(PEDOT) thin film to solid substrates using electrografted promoters and application to efficient nanoplasmonic devices	8	Không	Synthetic Metals	Q1 - SCIE IF: 3.266	22	28 45-52	01/2019
13	Multiscale organization of a size gradient of gold nanoparticles in a honeycomb structure network	5	Có	Electrochemistry Communications	Q1 - SCIE IF: 4.724	1	102 63-66	03/2019

14	Tổng hợp các thung lũng hạt nano vàng sắp xếp tuần hoàn trên bề mặt điện cực nhằm nâng cao độ nhạy của cảm biến điện hóa.	4	Có	Tạp chí nghiên cứu KH&CN Quân Sự			62, 149-158	08/2019
15	From active plasmonic devices to plasmonic molecular electronics	6	Không	Polymer International	Q2 - SCIE IF: 2.99	14	68 607-619	12/2018
16	Recent advances in development of microfluidic systems and applications in Vietnam.	5	Không	Proceeding of the 4th international conference on advanced Materials and Nanotechnology (ICAMN2019)		1		10/2019

17	Nanostructured Mixed Layers of Organic Materials Obtained by Nanosphere Lithography and Electrochemical Reduction of Aryldiazonium Salts	4	Có	ACS Langmuir	Q1 - SCIE <i>IF: 3.882</i>	6	35, 47, 15071-15077	10/2019
18	Direct Ink Writing of Graphene–Cobalt Ferrite Hybrid Nanomaterial for Supercapacitor Electrodes	14	Không	Journal of Electronic Materials	Q2 - SCIE <i>IF: 1.938</i>	9	49 4671-4679	05/2020
19	Finite simulations of micro-particle supporting for single cell trapping in microfluidic system	6	Không	Tạp chí nghiên cứu KH&CN Quân Sự			67, 154-160	06/2020

20	Effect of superparamagnetic interaction on the magnetic heating efficiency of Co _{0.3} Zn _{0.7} Fe ₂ O ₄ and Co _{0.5} Zn _{0.5} Fe ₂ O ₄ nanoparticles	7	Không	Physica B: Condensed Matter	Q2 - SCIE <i>IF: 2.436</i>	6	591 412246	05/2020
21	Nghiên cứu chế tạo vật liệu nano MnFe ₂ O ₄ -Ag sử dụng chất khử trisnatri xitrat	9	Không	Vietnam Journal of Chemistry	Q4 - ESCI		58, 5E1,2, 53-59	11/2020
22	Electrochemical deposition of gold nanoparticles-based plasmonic catalyst for glucose oxidation	5	Có	Vietnam Journal of Chemistry	Q4 - ESCI		58, 6, 785- 791	12/2020

23	A novel electrochemical sensor based on double-walled carbon nanotubes and graphene hybrid thin film for arsenic (V) detection	13	Không	Journal of Hazardous Materials	Q1 - SCIE <i>IF: 10.588</i>	27	400 123185	06/2020
24	Sensitive MnFe ₂ O ₄ -Ag hybrid nanoparticles with photothermal and magnetothermal properties for hyperthermia applications	12	Không	RSC Advances	Q1 - SCIE <i>IF: 3.361</i>	1	11 30054-30068	09/2021
25	ENHANCEMENT OF SPECIFIC ABSORPTION RATE IN Co _{0.7} Zn _{0.3} Fe ₂ O ₄ and Co _{0.5} Zn _{0.5} Fe ₂ O ₄ COMPOSITE NANOPARTICLES	8	Không	Vietnam Journal of Science and Technology	- ACI		59, 1, 30-39	01/2021

26	Prediction of Magnetocaloric Effects of $\text{La}_{0.7}\text{Sr}_{0.3}\text{Mn}_{1-x}\text{Cu}_x\text{O}_3$ Compounds ($x = 0.08$ and 0.12) Using a Phenomenological Model	9	Không	Journal of Electronic Materials	Q2 - SCIE <i>IF: 1.938</i>		50, 3, 978-986	11/2020
27	Electrochemical sensor based on reduced graphene oxide/double-walled carbon nanotubes/octahedral Fe_3O_4 /chitosan composite for glyphosate detection	14	Không	Bulletin of Environmental Contamination and Toxicology	Q2 - SCIE <i>IF: 2.151</i>	5	106 1017-1023	03/2021
28	Pulse Electrodeposition of Polyaniline/Mn-Fe Binary Metal Hydroxide Composite Cathode Material for a Zn-Ion Hybrid Supercapacitor	11	Không	Journal of Electronic Materials	Q2 - SCIE <i>IF: 1.938</i>	4	50 4407-4414	05/2021

29	Confinement Effect of Plasmon for the Fabrication of Interconnected AuNPs through the Reduction of Diazonium Salts	7	Có	Nanomaterials	Q1 - SCIE IF: 5.076		11 1957	07/2021
30	Size-Dependent Magnetic Heating of MnFe ₂ O ₄ Nanoparticles	8	Không	Journal of Electronic Materials	Q2 - SCIE IF: 1.938	1	50 5318- 5326	06/2021
31	Effect of Geometrical Properties on Localized Surface Plasmon Resonance of Gold Nanoparticles	5	Không	Communications in Physic	- ACI		31, 4, 369- 379	09/2021

32	Physical characterization and heating efficacy of chitosan-coated cobalt ferrite nanoparticles for hyperthermia application	9	Không	Physica E: Low-dimensional Systems and Nanostructures	Q2 - SCIE <i>IF: 3.382</i>	4	134 114862	07/2021
33	Freeze gelation 3D printing of rGO-CuCo ₂ S ₄ nanocomposite for high-performance supercapacitor electrodes	11	Không	Electrochimica Acta	Q1 - SCIE <i>IF: 6.901</i>	2	392 138992	08/2021
34	Structural, optical and conductivity properties in tetragonal BaTi _{1-x} CoxO ₃ (0 ≤ x ≤ 0.1)	8	Không	RSC Advances	Q1 - SCIE <i>IF: 3.361</i>		12, 25, 16119- 16130	05/2022
35	Nghiên cứu khả năng tạo màng kỵ nước và chống mốc trên bề mặt kính quang học của hợp chất cơ silic	4	Không	Tạp chí nghiên cứu KH&CN Quân Sự			78, 101- 107	04/2022

36	Mn(55- x)Co(x)Bi(45) Melt Spun Ribbons: Microstructures and Magnetic Properties	8	Không	Communications in Physic	- ACI	32, 3, 285-293	03/2022
----	---	---	-------	-----------------------------	-------	-------------------	---------

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà U'V là tác giả chính sau PGS/TS: 8 ([6] [7] [8] [9] [13] [17] [22] [29])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà U'V là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa

học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)